TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** TỈNH Đ Bản án số: **33**/2023/HNGĐ – ST Ngày: 11/8/2023 V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.
- *Thư ký phiên toà*: Ông Phạm Xuân Quyết –Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.
- *Đại diên Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa*: Ông Dương Minh Xuân Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 78/2023/TLST -HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn:Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 8, xã E, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Duy H sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đ năm 2013. Trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vả, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông H có hai con chung là Nguyễn Nhã Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn Uyên T, sinh ngày 19/9/2019. Hiện cả hai con chung đều

đang sống với bà L, bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Duy H đã được Tòa án nhân dân huyện E tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, không tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện E đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2023, Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Duy H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Duy H vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự. Bà Nguyễn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gi ải quyết cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Duy H. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Nhã Q và Nguyễn Uyên T cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhã Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn Uyên T, sinh ngày 19/9/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc hôn nhân, nuôi con chung, đơn khởi kiện của bà L được Tòa án nhân dân huyện E xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Tòa án nhân dân huyện E đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2023 cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Duy H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Đ, huyện E, tỉnh Đ năm 2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bà L xác định trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy racãi vả, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L có nguyện vọng được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của bà L và ông H là gì, không báo chính quyền địa phương nhưng tình cảm vợ chồng ông H, bà L không hoà thuận và cả hai vợ chồng đã không sống chung với nhau. Hiện nay chỉ thấy bà L cùng hai con nhỏ sống tại địa phương.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

*Về con chung:*Bà L và ông H có hai con chung là Nguyễn Nhã Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn Uyên T, sinh ngày 19/9/2019. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai, Nguyễn Nhã Q có nguyện vọng được ở với mẹ là bà L; Nguyễn Uyên T, sinh ngày 19/9/2019 chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Nhã Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn Uyên T, sinh ngày 19/9/2019 cho bà L trực tiếp chăm sóc và

nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Tròn18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trợ cấp nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

{3}Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

[2]. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhã Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn Uyên T, sinh ngày 19/9/2019 cho bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Duy H được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2022/0000815 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhã Phương

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã E, huyện E, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.